

Quá trình giải quyết vụ án anh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Tại bản tự khai ngày 22/4/2022, chị Trần Thị D trình bày:*

Chị D thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh N do quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đồng thời vì bận đi làm xa nên chị xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Phạm Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị D. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; chị D có địa chỉ tại ấp 8, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh N và chị D đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh chị theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn N và chị Trần Thị D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/5/2013. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh N yêu cầu ly hôn với chị D. Xét thấy, yêu cầu của anh N là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và hiện tại đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do chị D vắng mặt không có lý do. Đồng thời, chị D cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh N. Vì vậy,

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho anh Phạm Văn N và chị Trần Thị D được ly hôn.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh N, chị D xác định anh chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn N phải chịu án phí theo Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Văn N và chị Trần Thị D.
2. Về hôn nhân: Anh Phạm Văn N và chị Trần Thị D được ly hôn.
3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 04 tháng 3 năm 2022 anh N có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0014795 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
4. Về quyền kháng cáo: Anh N, chị D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Lộc Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm

